**PHỤ LỤC IV**

**Danh mục bãi bỏ các điều, khoản tại một số văn bản quy phạm pháp luật**

**thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông**

*(Kèm theo Thông tư số /2022/TT-BTTTT, ngày   tháng   năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên văn bản quy phạm pháp luật** | **Điều, khoản bãi bỏ** |
| 1 | Quyết định số 18/2008/QĐ-BTTTT ngày 04/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành quy định về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư | Khoản 3 Điều 6 |
| 2 | Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT ngày 26/03/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng chất lượng dịch vụ viễn thông | Các khoản 1, 2 Điều 7; khoản 4 Điều 22 |
| 3 | Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội | Điều 9 |
| 4 | Thông tư số 17/2014/TT-BTTTT ngày 26/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo về hoạt động chứng thực chữ ký số | Điều 5 |
| 5 | Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng | Khoản 2 Điều 11 |
| 6 | Thông tư số 25/2015/TT-BTTTT ngày 09/09/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông | Điều 5 |
| 7 | Thông tư số 17/2016/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về quy trình, thủ tục đăng ký cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động | Điều 10 |
| 8 | Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu tờ khai đăng ký, đơn đề nghị cấp giấy phép, giấy chứng nhận, giấy phép và báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình | Các khoản 1, 2, 3, 5 Điều 4 |
| 9 | Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình | - Các khoản 1, 4, 5 Điều 11 |
| 10 | Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ TTTT quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình | Các khoản 1, 3 Điều 10 |
| 11 | Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích | Các khoản 1, 3 Điều 13 |
| 12 | Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT ngày 12/09/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên toàn quốc | Điểm c khoản 1 Điều 6 |
| 13 | Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước | Khoản 8 Điều 16; khoản 6 Điều 18; khoản 10 Điều 19 |
| 14 | Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước | Điểm b khoản 8 và điểm đ khoản 9 Điều 1 |
| 15 | Thông tư số 31/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hoạt động giám sát an toàn hệ thống thông tin | Khoản 4 Điều 14 |
| 16 | Thông tư số 14/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính | Các khoản 1, 3 Điều 9 |
| 17 | Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản | Điều 2; trừ đoạn 2 điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT |
| 18 | Thông tư số 33/2020/TT-BTTTT ngày 04/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT ngày 26 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông. | Khoản 3 Điều 1 |
| 19 | Thông tư số 04/2021/TT-BTTTT ngày 13/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện | Khoản 3 Điều 4 |